

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN Ô MÔN

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 18/2025/HSST

Ngày: 05/3/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Thi

2. Bà Bùi Thanh Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Minh Thiện và bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Hoàng P, sinh ngày 04/8/1996 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: thợ xăm; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn A (còn sống) và bà Trần Thị Ú (còn sống); Vợ, con: chưa có; Tiền án: chưa; Tiền sự: 02 lần:

- Lần 1: ngày 06/5/2024 bị Công an phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ xử phạt số tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép ma túy.

- Lần 2: Ngày 07/5/2024 bị Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ xử phạt số tiền 4.000.000đồng về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: bắt bị can để tạm giam kể từ ngày 13/9/2024 và hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ, có mặt tại phiên tòa;

2. Lê Trường Q, sinh ngày 16/12/1999 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trường H (còn sống) và bà Nguyễn Thị Bích N (còn sống); A, chị, em ruột: 03 người (lớn sinh năm 2001 và nhỏ sinh năm 2018); Vợ: Nguyễn Thị Băng B, sinh năm 2001; Con: 01 người, sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: chưa;

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa;

3. Nguyễn Hữu C, sinh ngày 05/01/2003 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm hồ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc M (còn sống) và bà Đào Thị Mỹ N1 (còn sống); A, chị, em ruột: 02 người (sinh năm 2000 và 2017); Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa;

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa;

4. Phan Minh T, sinh ngày 31/3/2002 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn N2 (còn sống) và bà Phan Thị Phương K (còn sống); A, chị, em ruột: 01 người (sinh năm 1995); Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa;

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa;

Người bị hại: Ông **Lê Thái B1**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố D, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người làm chứng:

1. Ông **Trần Nhựt H1**, sinh năm 2006 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q1- Bộ Q2 đóng trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh)

2. Ông **Thi Trọng H2**, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Hoàng P, Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C và Phan Minh T là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội và cùng sinh sống tại phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Vào tối ngày 27/4/ 2024 anh Lê Thái B1 có tổ chức đoàn lô tô vui chơi giải trí tại sân bóng đá thuộc khu vực T, phường T, quận Ô nên Q rủ P, T, C và Nguyễn Cảnh T1 lại đoàn lô tô để uống cà phê và chơi. Ngồi chơi được một lúc thì P nảy sinh ý định đòi tiền bảo kê cho đoàn lô tô của anh B1. Lúc này, P nói cho cả nhóm nghe “Anh em mình coi bảo kê tiếp đoàn lô tô lấy tiền đi nhậu”. Khi nghe P nói thì Q đồng ý và nói “*Tụi mày muốn làm gì thì làm*”, T, C cũng đồng ý, riêng đối với T1 thì không nghe P nói nên không có ý kiến gì. Nhằm mục đích phá đoàn lô tô để đòi tiền bảo kê nên P bàn với cả nhóm không mua vé dò nhưng khi đoàn lô tô đọc số trúng thưởng thì giờ tay nói trúng để anh B1 xuống nói chuyện. Khi P giờ tay khoảng 04 lần nhưng anh B1 không xuống, lúc này P kêu T “*Em lên kêu ông chủ đoàn lô tô xuống cho anh nói chuyện*” nhưng T không đi, P tiếp tục nói với C “*Em lên kêu ông chủ đoàn lô tô xuống đây anh nói chuyện*” thì C đi lên kêu anh B1 đi xuống bàn của P nói chuyện thì Phạm Hải N3 ngồi uống cà phê ở bàn kế bên đi qua hỏi anh B1 “Anh có nhận giữ xe không, nhận giữ xe đến giải tán đoàn lô tô là 1.000.000đồng” nhưng anh B1 không trả lời. Lúc này, P nói với anh B1 mỗi ngày phải đưa cho nhóm của P 400.000đồng, riêng 02 ngày lễ cúng đình T4 (tức ngày 14, 15/4/2024 âm lịch) phải đưa cho nhóm của P 1.000.000đồng/ngày, nếu không nhóm của P sẽ quậy phá không cho anh B1 làm ăn. Do là người ở địa phương khác đến và sợ nhóm của P quậy phá và đánh nên anh B1 đồng ý theo yêu cầu của P và anh B1 kêu P đi ra phía sau đoàn lô tô để lấy tiền nhưng P không đi mà kêu T đi ra lấy số tiền 400.000đồng. Sau khi lấy tiền T nói cho C, Q, P biết thì P kêu T giữ tiền chút mang về tiệm xăm của P mua bia để nhậu. Đồng thời, cùng lúc này anh B1 đến xin số điện thoại của P để liên lạc thì P kêu Q cho anh B1 số điện thoại của Q và có gì thì điện cho Q biết. Sau đó P, C, Q, T đi về tiệm xăm lấy tiền mua bia về nhậu.

Đến ngày 28 hoặc ngày 29/4/2024 không nhớ chính xác ngày khi P cùng với Q và T đang ở tiệm xăm của P thì Q kêu T chạy ra gặp anh B1 lấy tiền thì T đi ra gặp anh B1 lấy số tiền 200.000đồng mang về đưa cho P. Ngày 30/4/2024 trong lúc P, T, Q đang ngồi uống rượu, bia tại tiệm xăm của P thì Trần Nhựt H1

là học viên học xăm tại tiệm của P đến, do là học viên của P nên hằng ngày H1 đều đi đến tiệm xăm và thường hay đi lấy đồ dùng dùng cho P nên P kêu H1 ra đoàn lô tô gặp ông bán vé lấy tiền cho P, trước khi kêu H1 đi P không nói lấy tiền gì và H1 cũng không có hỏi P, khi đến nơi H1 gặp B1 và nói “Anh P kêu con ra lấy tiền” thì B1 đưa cho H1 số tiền 200.000đồng. Các ngày sau đó cách ngày 30/4/2024 như thường lệ H1 đều đến tiệm xăm của P thì P nhờ H1 đi gặp anh B1 lấy tiền dùng nhưng P cũng không nói tiền gì và H1 cũng không có hỏi P lấy tiền gì, cụ thể như sau: ngày 03/5/2024, H1 ra gặp anh B1 thì anh B1 đưa số tiền 200.000đồng; ngày 06/5/2024, anh B1 đưa cho H1 200.000 đồng; ngày 09/5/2024, B1 đưa cho H1 200.000đồng; ngày 11/5/2024, B1 đưa cho H1 100.000đồng, H1 mang về đưa cho P, do thấy các lần trước anh B1 đều đưa 200.000đồng nhưng lần này anh B1 chỉ đưa 100.000 đồng nên P bức tức và kêu H1 cùng đi với P ra gặp anh B1. Khi đến gặp anh B1 thì P nói “*Tao đi xin mấy thằng mày hử*”, sau đó P lấy cây dao có sẵn tại chỗ của anh B1 kề vào cổ của anh B1, lúc này H1 biết P đi lấy tiền bảo kê nên vào can ngăn và giật lấy dao từ trên tay P, cùng lúc thì T2 Trọng Hữu đi đến sau đó anh B1 đưa cho H2 200.000đồng, lúc đầu H2 không dám lấy nhưng P kêu H2 lấy đi thì H2 lấy, khi nhận tiền thì anh B1 không có nói tiền gì và H2 cũng không có hỏi tiền gì sau đó đưa lại cho P. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 30/4 đến trước ngày 11/5/2024 H1 có đi ra gặp B1 lấy tiền dùng P một lần là 200.000đồng rồi đưa lại cho P và cũng không biết là tiền gì.

Đến ngày 12/5/2024 do sợ nhóm của P quậy phá đoàn lô tô nên anh B1 chủ động gọi cho Q để thỏa thuận số tiền bảo kê cho đoàn lô tô trong những ngày lễ cúng đình T số tiền là 2.000.000đồng, rồi anh B1 đi về, một lúc sau thì Q gọi điện thoại cho anh B1 kêu đưa 3.000.000đồng thì anh B1 đồng ý và nói đưa số tiền trên thành 02 đợt. Đến ngày 14/5/2024, anh B1 đưa cho Quân số tiền 1.500.000đồng. Ngày 17/5/2024, P đi ra gặp anh B1 để lấy 500.000đồng thì anh B1 gọi điện thoại hỏi Q có kêu P ra lấy tiền hay không thì Q trả lời “*nó lấy, tức là P lấy thì anh đưa nó đi*” nên anh B1 đưa cho P 500.000đồng. Đến chiều tối cùng ngày Q gặp anh B1 và lấy số tiền 1.000.000đồng còn lại.

Ngày 21/5/2024, P tiếp tục tổ chức uống rượu, bia tại tiệm xăm cùng với Nguyễn Hữu C và Phan Minh T, thì P nói đề ra gặp anh B1 để lấy tiền bảo kê về nhậu tiếp thì C và T đồng ý. Sau đó, P cùng với C đi, khi gặp anh B1 thì P nói “*cho mấy thằng nhỏ mấy trăm ngàn để nhậu, nếu không cho tôi kêu người đập phá*”, do sợ P đập phá và đánh nên anh B1 đưa cho P 300.000đồng, trên tay anh B1 còn 50.000đồng thì P lấy luôn đưa cho C mang về mua bia và mời về nhậu. Sau đó, bị lực lượng công an mời làm việc.

Tang vật tạm giữ: tiền ngân hàng N4 5.250.000đồng, bao gồm Phan Minh T tự nguyện giao nộp 600.000đồng, Lê Trường Q tự nguyện giao nộp 3.000.000đồng, Trịnh Hoàng P tự nguyện giao nộp 850.000đồng và Nguyễn Hữu C tự nguyện nộp 800.000đồng; 01 con dao thái lan có cán màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi dao bị gãy, có chiều dài khoảng 21,4 cm, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra Trịnh Hoàng P, Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C, Phan Minh T thừa nhận hành vi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức: trả lại cho anh Lê Thái B1 số tiền Việt Nam 5.250.000đồng.

Đối với Trần Nhựt H1 và T2 Trọng Hữu không có thỏa thuận với P để đi lấy tiền bảo kê cho đoàn lô tô của anh B1 và cũng như không biết số tiền đi lấy từ anh B1 là tiền gì nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: anh Lê Thái B1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại cáo trạng số 78/CT- VKSOM ngày 16/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố Trịnh Hoàng P, Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C và Phan Minh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo Lê Trường Q cho rằng không có đe dọa anh B1 để lấy tiền, bị cáo chỉ là người trung gian nhận tiền sau đó đưa lại cho P, mỗi lần gặp nhau có nghe P nói lấy tiền bảo kê của anh B1 để mua bia và mời cùng nhậu chung.

Anh Thi Trọng H2 trình bày: ngày 11/5/2024 anh cùng với P, H1, T3 đang ở tiệm xăm của P thì thấy P kêu H1 ra chỗ đoàn lô tô, sau đó anh và T3 chạy đến chỗ P thì thấy P đang chờ ai đó trong đoàn lô tô nên vô can ngăn và có người đưa cho anh 200.000đồng nhưng anh không lấy, khi đó P kêu lấy dùm nên anh mới nhận và đưa cho P, anh không biết đó là tiền gì vì P không nói và anh cũng không có hỏi P.

Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả kiểm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa hôm nay thông qua việc xét hỏi các bị cáo đủ cơ sở xác định Trịnh Hoàng P là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội nên có cơ sở xác định đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình

điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hành vi của Trịnh Hoàng P, Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C và Phan Minh T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nên cần có hình phạt tương xứng để răn đe giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trịnh Hoàng P, Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C và Phan Minh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”; áp dụng Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; xử phạt Trịnh Hoàng P 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C, Phan Minh T mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: ghi nhận việc trả lại số tiền 5.250.000đồng của cơ quan điều tra đối với ông Lê Thái B1. Đối với 01 con dao thái lan có cán màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi dao bị gãy, có chiều dài khoảng 21,4 cm, đã qua sử dụng là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo an tâm cải tạo và sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, người bị hại, các người làm chứng là hoàn toàn phù hợp nên có đủ đủ cơ sở xác định Trịnh Hoàng P là người rủ rê và cùng nhau bàn bạc thống nhất với Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C và Phan Minh T thực hiện hành vi phạm tội nên có cơ sở xác định đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/4/2024 đến ngày 21/5/2024 các bị cáo lợi dụng sự tương quan lực lượng để uy hiếp tinh thần, đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Lê Thái B1 nhiều lần, tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 5.250.000đồng. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Lê Thái B1. Với thủ đoạn và hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, vì thế cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Ý thức phạm tội của các bị cáo là cố ý. Chính các bị cáo hiểu rõ nhất về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, đặc biệt là xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng không chăm lo lao động bằng sức của mình mà chỉ muốn hưởng thụ, do đó cần có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo và ngăn ngừa chung trong xã hội. Xét về vai trò và mức độ tham gia của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo P là người rủ rê, chỉ huy, trực tiếp đe dọa để chiếm đoạt tiền của người bị hại nên mức hình phạt sẽ cao hơn các bị cáo khác, bị cáo Q, T, C là người thực hành, có vai trò ngang nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên hình phạt sẽ tương đương nhau.

[4] Về nhân thân: Trịnh Hoàng P có 02 lần tiền sự chưa được xóa; đối với bị cáo Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C và Phan Minh T chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 5.250.000đồng để trả lại cho người bị hại xong và tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[7] Xử lý vật chứng: việc trả lại số tiền 5.250.000đồng của cơ quan điều tra đối với ông Lê Thái B1 là phù hợp nên công nhận.

Đối với 01 con dao thái lan có cán màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi dao bị gãy, có chiều dài khoảng 21,4cm, đã qua sử dụng là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Trịnh Hoàng P, Lê Trường Q, Nguyễn Hữu C và Phan Minh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Trịnh Hoàng P** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2024.

Lê Trường Q 02 (hai) năm tù.

Nguyễn Hữu C 02 (hai) năm tù.

Phan Minh T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: công nhận việc trả lại số tiền 5.250.000đồng của Cơ quan điều tra cho ông Lê Thái B1 theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 03/10/2024 (Bút lục 243).

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao thái lan có cán màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, mũi dao bị gãy, có chiều dài khoảng 21,4cm, đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDKV2- Cần Thơ;
- Phòng THA dân sự KV2;
- Phân trại tạm giam;
- Công an TPCT;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Sở tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Khánh Xuân